

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 8 - 2018
V/v "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đàm Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Khổng Mỹ Hạnh

Bà Bùi Thị Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dạ Lan, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lượng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị T, sinh năm: 1994; dân tộc: Tày; nơi cư trú: Thôn V, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt

Bị đơn: Anh Lê Xuân T (Tên gọi khác Lê Văn T), sinh năm 1987; dân tộc: Kinh; nơi cư trú: Thôn V, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt lần 2 không có lý do,

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn và bản tự khai chị Dương Thị T trình bày: Chị và anh Lê Xuân T kết hôn ngày 12 tháng 5 năm 2014 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được khoảng 03 năm, sau đó đến năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa chị và các chị em bên nhà chồng hiểu lầm, mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống chung nhưng anh T không thấu hiểu và chia sẻ với chị, khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng cũng được gia đình hai bên góp ý khuyên giải nhưng không khắc phục được nên

chị đã chuyển về sinh sống tại gia đình nhà ngoại ở thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang sống ly thân chấm dứt quan hệ vợ chồng với anh Lê Xuân T từ tháng 02/2018 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân cũng không thể duy trì và kéo dài được nữa, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Xuân T.

Tại biên bản lấy lời khai anh Lê Xuân T ngày 10/5/2018 tại thôn V, xã P và các biên bản xác minh cho thấy: Anh Lê Xuân T và chị Dương Thị T lấy nhau năm 2014 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến đầu năm 2018 thì chị T tự ý bỏ nhà đi không còn quan tâm đến anh nữa, anh không biết lý do vì sao chị T viết đơn ly hôn, quan điểm của anh mong chị T suy nghĩ lại và anh đề nghị Tòa án thuyết phục chị Dương Thị T quay về đoàn tụ cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nên anh không nhất trí ly hôn. Tuy nhiên sau khi Tòa án công bố biên bản lấy lời khai anh Lê Xuân T không ký vào biên bản và đã bỏ đi trước sự chứng kiến của chính quyền địa phương.

Về con chung: Theo lời khai của chị Dương Thị T và anh Lê Xuân T quá trình chung sống anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng tiến hành lấy lời khai bị đơn Lê Xuân T tại địa phương, nhưng sau đó bị đơn không ký, đã bỏ đi không hợp tác. Mặc dù, Tòa án cũng đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho bị đơn nhiều lần nhưng bị đơn vẫn trốn tránh không chấp hành. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, chị Dương Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Xuân T. Về con chung và tài sản chung không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn chị Dương Thị T đều chấp hành và tuân thủ đúng pháp luật tố tụng, còn anh Lê Xuân T đã không tuân thủ và thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và xử cho chị Dương Thị T được ly hôn anh Lê Xuân T.

- *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện "Ly hôn" của chị Dương Thị T được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án anh Lê Xuân T đã được Tòa án thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng anh Lê Xuân T không chấp hành, Tòa án cũng đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với anh Lê Xuân T theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Lê Xuân T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở lời khai của nguyên đơn và biên bản xác minh bà Bùi Thị T (Là mẹ đẻ của anh Lê Xuân T) và trưởng thôn V, xã P (Bút lục số 35, 36) cho thấy: Chị Dương Thị T và anh Lê Xuân T lấy nhau năm 2014, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn chị T về chung sống với gia đình nhà chồng tại thôn V, xã P, vợ chồng sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì nảy sinh mâu thuẫn, theo chị Dương Thị T nguyên nhân là do gia đình bên nhà chồng hiểu lầm chị, anh T không chịu hiểu và chia sẻ với chị, khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Bà Bùi Thị T (Mẹ đẻ của anh Lê Xuân T) cho rằng việc con trai bà không phối hợp với Tòa án giải quyết việc ly hôn không phải muốn níu kéo cuộc hôn nhân với chị T mà muốn chị Dương Thị T phải đi lại nhiều lần đến Tòa án. Mặt khác kể từ tháng 02/2018 chị T bỏ gia đình nhà chồng đi về bên ngoại ở cho đến nay anh Lê Xuân T cũng không có những việc làm thể hiện sự níu kéo hay cứu vãn cuộc hôn nhân của anh chị, để mặc chị T sống ly thân từ đó đến nay, điều đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa chị Dương Thị T vẫn một mực xin được ly hôn anh Lê Xuân T, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Dương Thị T được ly hôn anh Lê Xuân T.

[3] Về việc nuôi con chung: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Dương Thị T đều xác nhận giữa chị và anh Lê Xuân T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Dương Thị T. Xử cho chị Dương Thị T được ly hôn anh Lê Xuân T (Tên gọi khác là Lê Văn T).

Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang có hiệu lực pháp luật.

2. *Về án phí:* Chị Dương Thị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang theo biên lai số 03426 ngày 27 tháng 3 năm 2018.

3. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã P, huyện B;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đàm Thị Tư